

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA KINH TẾ

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

**CẢI CÁCH KINH TẾ Ở TRUNG QUỐC SAU KHI GIA
NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) VÀ
NHỮNG GỢI Ý VỀ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị
Mã số : 5.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Hà Nội - 2005

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài :

Với tư cách là một tổ chức thương mại của tất cả các nước trên thế giới, WTO thực hiện những mục tiêu đã được nêu trong lời nói đầu của hiệp định GATT-1947 là nâng cao mức sống của nhân dân các nước thành viên, đảm bảo việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thương mại, sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực của thế giới.

Đối với Trung Quốc, sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã tiến hành mở cửa thị trường theo nguyên tắc qui chế tối huệ quốc ổn định đa phương. Với tư cách là một quốc gia đang phát triển, Trung Quốc được hưởng những chế độ ưu đãi thông thường do WTO qui định, tức là những đãi ngộ đối với những nước đang phát triển; đồng thời thuế quan và mức bảo hộ những ngành nghề còn yếu của Trung Quốc được WTO cho phép cao hơn những nước phát triển.

Trung Quốc có trình độ phát triển kinh tế xã hội, phong tục tập quán ... có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam. Sau khi gia nhập WTO Trung Quốc gặp một số khó khăn trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế như: hệ thống tài chính – ngân hàng yếu kém, nền nông nghiệp lạc hậu, chưa phát triển đồng đều, doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả nhưng lại chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế ... Đây là những vấn đề mà Việt Nam cũng sẽ khó tránh khỏi sau khi gia nhập WTO.

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới như gia nhập ASEAN, là thành viên của

APEC, ASEM và đang trong quá trình hoàn tất việc đàm phán gia nhập WTO. Vì vậy, việc nghiên cứu cải cách chính sách kinh tế của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO là rất cần thiết và là những gợi ý về chính sách cho Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu :

- Nghiên cứu cải cách chính sách kinh tế của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO trong các lĩnh vực ngoại thương, đầu tư nước ngoài, ngân hàng, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ vv...

- Làm rõ những nỗ lực tiếp tục cải cách chính sách kinh tế của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO, nghiên cứu vấn đề thực hiện các cam kết của Trung Quốc sau khi ra nhập WTO như thế nào.

- Rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam là nước đang trong quá trình gia nhập WTO. Trên cơ sở đó, đưa ra những gợi ý về mặt chính sách khi Việt Nam gia nhập WTO.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu :

Nghiên cứu cải cách chính sách kinh tế của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO, tập trung vào các vấn đề: Ngoại thương, Đầu tư nước ngoài, Hệ thống ngân hàng, Nông nghiệp, Công nghiệp, thực hiện cam kết vv...

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề trên từ khi Trung Quốc gia nhập WTO đến nay.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ WTO VÀ KINH TẾ TRUNG QUỐC

1.1.WTO - mục tiêu và nguyên tắc hoạt động

1.1.1.Sự hình thành WTO

Năm 1944, khi chiến tranh thế giới thứ hai đang đi vào giai đoạn kết thúc thì tại Bretton Woods, 44 quốc gia tư bản đã tổ chức một hội nghị quốc tế gọi là hội nghị Bretton Woods. Tại hội nghị này, các quốc gia đi đến một quyết định là thành lập ra một Tổ chức Thương mại quốc tế, gọi tắt là ITO.

Những bất đồng sâu sắc giữa Mỹ, Tây Âu với các nước đang phát triển về mục tiêu và những ưu tiên của ITO đã khiến cho ITO không ra đời. Song song với các vòng đàm phán cho việc ra đời ITO, thì tại Genever, ngày 30/10/1947, đại diện của 23 nước đã đi đến một thoả thuận cắt giảm thuế quan đối với một nửa số hàng hoá trong thương mại quốc tế, đồng thời đã ký kết Nghị định thư áp dụng tạm thời “Hiệp định chung về thuế quan và thương mại”, gọi tắt là GATT 1947.

Đứng trước những hạn chế nội tại không thể giải quyết của GATT và để đáp ứng nhu cầu phát triển toàn cầu hoá mậu dịch và kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, các bên tham gia vòng đàm phán Uruguay (1986 – 1993, 123 nước) đã đi đến thống nhất quyết định thành lập một thể chế mậu dịch đa phương mới - Tổ chức thương mại thế giới (**World Trade Organization – WTO**) vào ngày 01/01/1995.

1.1.2.Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của WTO

1.1.2.1.Mục tiêu của WTO

- Thúc đẩy tăng trưởng hàng hoá và dịch vụ trên thế giới, phục vụ cho sự phát triển ổn định, bền vững và bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy sự phát triển các thể chế thị trường, giải quyết các bất đồng và tranh chấp thương mại giữa các nước thành viên trong khuôn khổ của hệ thống thương mại đa phương, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của Công pháp quốc tế.

- Nâng cao mức sống, tạo công ăn, việc làm cho người dân các nước thành viên, bảo đảm các quyền và tiêu chuẩn lao động tối thiểu được tôn trọng.

1.1.2.2.Các nguyên tắc hoạt động của WTO

Nguyên tắc tối huệ quốc (MFN): Nguyên tắc MFN được hiểu là nếu một nước dành cho một nước thành viên một sự đối xử ưu đãi nào đó thì nước này cũng phải dành sự ưu đãi đó cho tất cả các nước thành viên khác.

Nguyên tắc đãi ngộ quốc gia (NT): Nguyên tắc NT được hiểu là hàng hoá nhập khẩu, dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ nước ngoài phải được đối xử không kém thuận lợi hơn so với hàng hoá cùng loại trong nước.

Nguyên tắc mở cửa thị trường: Nguyên tắc mở cửa thị trường thực chất là mở cửa thị trường cho hàng hoá, dịch vụ và đầu tư nước ngoài. Khi tất cả các bên tham gia đều chấp nhận mở cửa thị trường của mình thì điều đó đồng nghĩa với việc tạo ra một hệ thống thương mại toàn cầu mở cửa.

Nguyên tắc cạnh tranh công bằng: Cạnh tranh công bằng (Fair Competition) thể hiện nguyên tắc “tự do cạnh tranh trong những điều kiện bình đẳng như nhau”.

1.2. Bối cảnh kinh tế của Trung Quốc

1.2.1. Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Trung Quốc

Theo cách nhìn của Trung Quốc, WTO là một tổ chức quốc tế chính thức, phản ánh và thể hiện nhu cầu lợi ích của các nước đang phát triển với những tôn chỉ tiến bộ.

Đối với Trung Quốc, sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc có thể tiến hành mậu dịch quốc tế theo nguyên tắc quy chế tối huệ quốc ổn định đa phương, họ có thể lợi dụng cơ chế giải quyết tranh chấp mậu dịch của WTO để củng cố hệ thống luật pháp trong nước cũng như giải quyết các mâu thuẫn thương mại một cách công bằng và hợp lý hơn, tăng cường rất nhiều quyền phải phát ngôn và quyền chủ động của Trung Quốc trên thế giới.

Tóm lại, việc gia nhập WTO của Trung Quốc là tất yếu – con đường phải đi của các nước đang phát triển.

1.2.2. Cơ hội và thách thức đối với Trung Quốc khi gia nhập WTO

1.2.2.1. Cơ hội

- Gia nhập WTO sẽ tạo nên môi trường kinh tế quốc tế tốt cho việc Trung Quốc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá đất nước, tạo cơ hội thúc đẩy nhanh việc thiết lập thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng thị phần quốc tế cho các sản phẩm của Trung Quốc, đặc biệt là đối với các sản phẩm hàng dệt may. Cộng với thu nhập kinh tế của các ngành khác, hàng năm Trung Quốc có thể thu được thêm 116 tỷ USD, tương đương 1% tăng trưởng GDP.

- Người tiêu dùng Trung Quốc sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn những sản phẩm và dịch vụ với giá rẻ, chất lượng tốt, cơ hội về việc làm cho người lao động cũng tăng khi thu hút được nhiều nguồn đầu tư nước ngoài.

1.2.2.2. Thách thức

- Thuế quan giảm tác động đến thị trường trong nước của Trung Quốc, mức bảo hộ đối với ngành nghề cũng giảm đi. Cam kết nghĩa vụ mở cửa thị trường dịch vụ, lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc sẽ gặp phải những thách thức lớn.

- Thách thức trực tiếp đối với Chính phủ Trung Quốc về chế độ thẩm duyệt, thể chế, quyết sách của Chính phủ, nguy cơ an ninh và chủ quyền quốc gia. Cùng với thách thức trực tiếp đối với Chính phủ là thách thức đối với ngành khoa học - kỹ thuật cao và thách thức về tạo việc làm cho người dân Trung Quốc.

1.3. Điều chỉnh chính sách và cam kết trước khi gia nhập WTO của Trung Quốc

1.3.1. Điều chỉnh chính sách trước khi gia nhập WTO của Trung Quốc

Trong lĩnh vực mậu dịch dịch vụ: Các bộ, ngành hữu quan của Trung Quốc đã phê chuẩn các văn bản pháp quy và điều lệ về nhà đầu tư tiến hành đầu tư tại Trung Quốc trong lĩnh vực viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch...

Trong lĩnh vực đầu tư: Cơ quan lập pháp Trung Quốc đã thông qua tiến hành sửa đổi luật cơ bản và thực thi cụ thể về hai bộ luật đầu tư trực tiếp nước ngoài như: “Luật doanh nghiệp hợp tư Trung Quốc - nước ngoài”, “Luật doanh nghiệp hợp tác Trung Quốc - nước ngoài”.

Trong lĩnh vực bản quyền tri thức: Để thực hiện những cam kết khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã tiến hành sửa đổi pháp luật về “Luật đặc quyền”, “Luật nhãn hiệu hàng hoá”, “Luật quyền tác giả”...

Chuyển biến chức năng của Chính phủ là yêu cầu tất yếu của xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, cũng là thách thức lớn nhất mà Chính phủ phải đối mặt trước khi gia nhập WTO, đối với Bộ/ngành trong nước còn phải làm nhiều mặt công tác. Năm 2000, Quốc vụ viện Trung Quốc đã quyết định bãi bỏ 789 mục phê chuẩn hành chính, liên quan đến 56 Bộ/ngành và đơn vị của Chính phủ.

1.3.2. Cam kết của Trung Quốc trước khi gia nhập WTO

Trung Quốc không phân biệt đối xử với bất kỳ thành viên nào của WTO; chấp nhận bãi bỏ chế độ hai giá đối với hàng hoá sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số luật trong nước cho phù hợp với các quy định của WTO; không hỗ trợ xuất khẩu nông sản, chỉ không chế trợ giá ở mức tối đa 8,5% giá trị hàng nông sản và bãi bỏ chế độ quản lý bằng hạn ngạch; thực hiện các thoả thuận về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ngay sau khi gia nhập WTO.

Trong nông nghiệp: Giảm hàng rào thuế quan đối với hàng nông sản trung bình từ mức 30% xuống còn 12%.

Đối với ô tô: Từ ngày 01/01/2002 Trung Quốc cắt giảm gần 1/3 thuế nhập khẩu đối với các loại ô tô nhập khẩu.

Trong lĩnh vực năng lượng: Trung Quốc đồng ý mở cửa các ngành dầu thô và dầu chế biến cho các thương gia tư nhân qua việc tự do hoá dần và giảm sự độc quyền mua bán dầu qua việc cho tư nhân nhập khẩu 4 triệu tấn các sản phẩm dầu và 10% dầu thô.

Về hoạt động của các ngân hàng nước ngoài: Các ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh đồng NDT với các công ty Trung Quốc sau 2 năm và với cá nhân Trung Quốc sau 5 năm kể từ khi Trung Quốc gia nhập WTO.

Về phân phối: Sau khi gia nhập được một năm, các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có thể lập nên những liên doanh buôn bán, sau 2 năm họ có quyền giữ phần vốn lớn hơn đối tác phía Trung Quốc. Mọi giới hạn về địa lý và khối lượng đều được dỡ bỏ.

Về bảo hiểm: Ngay sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, các công ty nước ngoài có thể bán bảo hiểm thương mại và nhân thọ cho khách hàng Trung Quốc và nước ngoài ở Trung Quốc.

Về viễn thông: Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, phần vốn của các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực này được tăng đến 25%, một năm sau tỷ lệ này là 35% và 3 năm sau là 49%. Các hợp đồng thuê mua của ngành này cũng được tự do hoá.

CHƯƠNG 2

CẢI CÁCH KINH TẾ Ở TRUNG QUỐC SAU KHI GIA NHẬP WTO

2.1. Tiếp tục cải cách chính sách kinh tế và thực hiện cam kết của Trung Quốc sau khi gia nhập WTO

2.1.1. Ngoại thương

Sau khi gia nhập WTO, việc cắt giảm thuế quan của Trung Quốc đã được thực hiện một cách nhất quán và liên tục, vừa làm cho hệ thống thuế quan phù hợp với chuẩn mực chung của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế, vừa nhằm mục tiêu giảm thuế suất bình quân đáp ứng yêu cầu của WTO. Ngoài ra, Trung Quốc cũng giảm các hàng rào phi thuế quan, là các hàng rào phức tạp hơn so với các hàng rào thuế quan.

2.1.2. Đầu tư nước ngoài

Gia nhập WTO, do phải tuân theo các quy tắc của WTO nên Trung Quốc đã mở rộng lĩnh vực đầu tư. Trung Quốc cho phép thương nhân nước ngoài đầu tư vào các ngành khác như : viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch...Việc đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư có lợi cho việc mở rộng hơn nữa quy mô thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Trung Quốc.

2.1.3. Công nghiệp

- Sau khi gia nhập WTO, các biện pháp xoá bỏ hàng rào phi thuế quan được tiến hành từ từ và sử dụng triệt để các quy định về bảo hộ phi thuế quan trong khuôn khổ WTO để bảo hộ ngành công nghiệp trong nước.

- Điều chỉnh và nâng cấp cơ cấu ngành nghề công nghiệp trên cơ sở duy trì và phát huy triệt để những ngành sử dụng nhiều lao động.

- Cải cách doanh nghiệp công nghiệp nhà nước trên cơ sở xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp

- Phát triển cơ cấu công nghiệp theo khu vực trên cơ sở nguyên tắc phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, từng khu vực.

2.1.4. Nông nghiệp

- Thúc đẩy hệ thống thông tin thị trường cho sản phẩm nông nghiệp nhằm cung cấp cho người nông dân thông tin thị trường về sản phẩm nông nghiệp một cách chính xác, toàn diện và đúng thời điểm.

- Thúc đẩy hình thành hệ thống tiêu chuẩn, an ninh và chất lượng cũng như tăng cường các biện pháp thanh tra và kiểm tra các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là thực phẩm, hướng dẫn cho nông dân cách sản xuất nông sản an toàn và chất lượng cao.

- Tái cấu trúc hệ thống tài chính nông thôn và hình thành hệ thống bảo hiểm nông nghiệp phù hợp với hoàn cảnh của Trung Quốc.

2.1.5. Hệ thống ngân hàng

Bốn ngân hàng quốc doanh lớn nhất đã được chuyển đổi thành các ngân hàng đa năng và tạo thành nền tảng của hệ thống tài chính với 67% tài sản tiền gửi ngân hàng và 56% tổng tài sản tài chính. Đồng thời, cho phép ngân hàng nước ngoài được hoạt động ở Trung Quốc để tạo môi trường cạnh tranh với các ngân hàng trong nước. Phát triển việc thực hiện các giao dịch thông qua mạng Internet.

2.2. Thực trạng kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập WTO

2.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê Quốc gia Trung Quốc thì từ 2001 - 2004, tăng trưởng GDP của TQ lần lượt là 7,5%, 8%, 9,1% và 9,4%. Trong 2 quý đầu năm 2005 GDP của Trung Quốc đạt 7.314,4 tỷ NDT, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, giá trị nông nghiệp đạt 1.256,1 tỷ NDT, tăng 5,5%; công nghiệp đạt 6.163,1 tỷ NDT, tăng 10,9%; ngành dịch vụ đạt 1.895,2 tỷ NDT, tăng 8,5%. Dự kiến tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong năm 2005 này sẽ đạt khoảng 9,4%. Kinh tế Trung Quốc gia nhập vào WTO đã có lợi thế trong ngành dệt may, điện tử, mô tô xe máy, đồ chơi là những ngành đang có ưu thế: giá nhân công rẻ, tỷ lệ nội địa hóa cao, thị phần trong và ngoài nước rộng lớn và theo đó giá trị gia tăng xuất khẩu cao. Những lợi thế này hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài khiến họ tích cực đẩy nhanh hợp đồng đầu tư vào những ngành trên cơ sở các lợi thế về vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý .

Cơ cấu kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập WTO đã chuyển dịch mạnh, biến chuyển theo hướng tăng nhanh các ngành sử dụng lao động và giảm quy mô các ngành sử dụng đất và vốn. Sau khi gia nhập WTO, tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế Trung Quốc đã giảm dần và thay vào đó là tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ tăng lên theo quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.2.2. Công nghiệp

Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO đã có một số tác động cả tích cực lẫn tiêu cực đến một số lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp của Trung Quốc.

Ngành ô tô: Xét theo chuẩn mực thế giới, trong ngành ô tô, trình độ chuyên môn hoá thấp, khả năng phát triển yếu, phương thức sản xuất kinh doanh lạc hậu..., đặc biệt là trong ngành sản xuất linh kiện. Do đó, giá thành sản xuất xe con của Trung Quốc cao hơn nhiều so với giá xe cùng loại ở nước ngoài.

Ngành dệt may: Trung Quốc là nước sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất thế giới. Điều này cho thấy dệt may là ngành có lợi thế cạnh tranh lớn nhất của Trung Quốc bởi Trung Quốc có lợi thế lao động rẻ (do đó họ cũng giải quyết được phần nào tình trạng thất nghiệp).

Công nghiệp hoá dầu: Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc không đánh thuế nhập khẩu đối với dầu thô, khí thiên nhiên, thuế quan đánh vào dầu thành phẩm giảm còn khoảng 6% năm 2003, các biện pháp bảo hộ phi thuế quan dần được xoá bỏ. Tuy nhiên, trong dài hạn, dưới sức ép của cạnh tranh quốc tế, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến được áp dụng và thị trường được mở rộng sẽ có những tác động tích cực và vượt trội hơn so với tác động tiêu cực.

2.2.3. Nông nghiệp

Trung Quốc đã từng bước tự do hóa các hoạt động thương mại, bỏ độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh một số mặt hàng, cho phép thành phần kinh tế tư nhân tham gia sâu rộng hơn vào các hoạt động thương mại. Những thay đổi

nay có tác động to lớn đến nền kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là khu vực nông nghiệp và nông thôn của Trung Quốc, vốn trước đây nhận được nhiều bảo trợ và bảo hộ của chính phủ.

Về hàng rào thuế quan, Trung Quốc giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng nông sản từ 30% xuống còn 12% như: thịt bò từ 45% xuống còn 12%, quả từ 30% xuống 10%... Ngoài việc giảm hàng rào thuế quan, Trung Quốc cũng thay đổi hệ thống cấp phép quota nhập khẩu theo hướng tăng cường minh bạch và thúc đẩy cạnh tranh, giảm các hàng rào phi thuế quan, tăng hạn ngạch nhập khẩu với các mặt hàng nông sản.

2.2.4. Dịch vụ

Bảo hiểm: Việc Trung Quốc gia nhập WTO, một mặt khiến cho thị phần của các công ty bảo hiểm nội địa suy giảm dưới sức ép cạnh tranh của các công ty nước ngoài với những ưu thế cao hơn hẳn về mặt quy mô, vốn, trình độ quản và kỹ thuật nghiệp vụ.

Chứng khoán: Tuy là thị trường đứng thứ 2 Châu á nhưng quy mô thị trường chứng khoán Trung Quốc còn nhỏ bé, hoạt động thiếu hiệu quả. Việc Trung Quốc gia nhập WTO có tác động tích cực nhiều hơn là tiêu cực đối với ngành chứng khoán của Trung Quốc mặc dù đây là ngành khá nhạy cảm.

Viễn thông: Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã thực hiện ‘Hiệp định về dịch vụ bưu chính viễn thông’ theo cam kết trước đây với WTO. Lần đầu tiên trong lịch sử, Trung Quốc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài cung cấp các dịch vụ viễn thông bao gồm cả nội dung Internet lẫn cung cấp dịch vụ Internet.

Ngân hàng: Tác động đầu tiên đối với ngành ngân hàng Trung Quốc sau khi nước này gia nhập WTO là sức ép cạnh tranh

từ phía các ngân hàng nước ngoài. Mặc dù phải đương đầu với sự cạnh tranh quyết liệt từ phía các ngân hàng nước ngoài, nhưng việc gia nhập WTO khiến cho hệ thống các ngân hàng thương mại của Trung Quốc có thêm động lực mới để cải cách và phát triển phù hợp với nhịp độ phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế. Do vậy, trong dài hạn, đặc biệt là từ sau năm 2005, Trung Quốc gia nhập WTO sẽ có những tác động tích cực đến ngành ngân hàng là chính, những tác động tiêu cực chỉ diễn ra trong ngắn hạn nhưng cũng không vượt quá được lợi ích từ việc gia nhập mang lại.

2.2.5. Ngoại thương

Theo cơ quan Hải quan Trung Quốc, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc năm 2002 đạt 609,1 tỷ USD, năm 2003 đạt 640 tỷ USD, năm 2004 đạt 668,7 tỷ USD. Năm 1978, kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc đạt 20,6 tỷ USD, đứng thứ 32 trong danh sách ngoại thương của toàn cầu lúc bấy giờ. Sau khi gia nhập WTO, kim ngạch ngoại thương của Trung quốc năm 2004 là 680,7 tỷ USD, vươn lên thứ 5 thế giới sau Mỹ, Nhật Bản, Canada và EU.

Ngoại thương của Trung Quốc tăng do hoạt động buôn bán trên thế giới cũng như trong nước được cải thiện, kinh tế Mỹ phục hồi và Trung Quốc được hưởng một số ưu đãi sau khi gia nhập WTO.

2.2.6. Đầu tư nước ngoài

Trước khi gia nhập WTO, thu hút đầu tư của nước này tăng chậm, năm 1995 là 35,84 tỷ USD, năm 2001 là 46,24 tỷ USD. Nhưng bắt đầu từ năm 2002, sau khi Trung Quốc gia nhập WTO thu hút đầu tư nước ngoài là 75,5 tỷ USD, năm 2003 là 110,5 tỷ

USD và năm 2004 là 128,4 tỷ USD. Đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc sau khi nước này gia nhập WTO tăng đột biến so với trước khi gia nhập. Rất nhiều công ty xuyên quốc gia đã thành lập đường dây thu mua và sản xuất toàn cầu tại Trung Quốc, và chuyển dịch sản xuất ở nước họ hoặc ở một bộ phận ở nước khác đến Trung Quốc.

Với việc mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ, Trung Quốc đã và sẽ thu hút được FDI của các nước thành viên nhờ sự đồng nhất về tiêu chí, nguyên tắc và lợi ích.

2.3. Đánh giá chung

Những đặc điểm cơ bản của các ngành kinh tế chủ chốt của Trung Quốc cho thấy, trước khi gia nhập WTO, các ngành này đã được tự do hoá khá mạnh, đặc biệt là trong việc giảm thuế quan, hạn ngạch cũng như giảm mức độ độc quyền của nhà nước trong ngoại thương.

Những cam kết của Trung Quốc khi gia nhập WTO được coi là cấp tiến nhất so với bất kỳ một thành viên nào khác của WTO, đặc biệt trong các lĩnh vực như dịch vụ, hỗ trợ xuất khẩu, trợ cấp cho sản xuất nông nghiệp, giảm thuế quan hàng công nghiệp và quyền tự vệ của các đối tác.

Gia nhập WTO, Trung Quốc có thêm được động lực (cạnh tranh quốc tế) cũng như một khuôn khổ chính sách rõ ràng (chuẩn mực quốc tế về thể chế, kinh doanh và quản lý...) để tiếp tục cải cách mạnh mẽ hơn nữa nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Việc Trung Quốc gia nhập WTO có những tác động đối với các ngành kinh tế chủ chốt của Trung Quốc ở những mức độ khác nhau. Mức độ tác động của việc Trung Quốc gia nhập WTO còn

phụ thuộc vào những chính sách mà nước này sẽ thực hiện sau khi gia nhập, đặc biệt là những chính sách đối với việc di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị cũng như nâng cao kỹ năng của người lao động thông qua hệ thống giáo dục.

Mặc dù Trung Quốc là thị trường rộng lớn nhất thế giới, nhưng sức mua của người dân nước này thấp vì tự do hóa mậu dịch sẽ làm tăng thất nghiệp ở một số lĩnh vực. Nông dân Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất. Hiện nay, Trung Quốc có khoảng 600 triệu nông dân, chiếm 2/3 nhân lực lao động, song chỉ đạt mức thu nhập dưới một nửa thu nhập trung bình của người dân thành thị. Hơn nữa, mức tăng thu nhập của nông dân đã giảm từ 4,8% năm 2000 còn chỉ 2,1% năm 2004, thấp hơn nhiều so với mức tăng thu nhập trung bình toàn quốc. Do vậy, khoảng 40% nông dân đã thoát khỏi đói nghèo từ năm 1979 nay lại rơi vào đói nghèo.

Mặc dù là nước sản xuất nông nghiệp và thủy sản thứ hai trên thế giới nhưng hạn chế về tài chính do cơ chế quản lý cũ lỏng lẻo và các thứ thuế đè nặng lên nông dân cũng làm hạn chế sản lượng nông nghiệp của nước này. Do vậy, để làm tăng sức cạnh tranh của nông sản Trung Quốc trên thị trường thế giới là điều không dễ dàng.

Mặc dầu vậy, Trung Quốc vẫn là nước xuất khẩu ròng một số nông sản như sản xuất rau và quả. Trung Quốc là nước sản xuất rau quả lớn nhất thế giới, và chất lượng rau quả của họ ngày càng được cải thiện. Ngoài ra, với các nguồn nhân lực với giá rẻ, các ngành như nuôi tôm cá, nuôi gia súc gia cầm vẫn có ưu thế trên thị trường thế giới.

Thực tế 3 năm qua cho thấy kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập WTO không những vẫn phát triển mạnh mà còn có thêm động lực cho phát triển.

CHƯƠNG 3

BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC VÀ NHỮNG GỢI Ý VỀ CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM KHI GIA NHẬP WTO

3.1. Bài học kinh nghiệm của Trung Quốc

3.1.1. Chính sách thuế và áp dụng điều khoản bảo hộ phi thuế quan thông dụng quốc tế

Một yêu cầu cơ bản của WTO là dỡ bỏ các hàng rào trong quan hệ kinh tế quốc tế, thúc đẩy việc tự do hoá thương mại quốc tế một cách công bằng. Trong vấn đề thuế, Trung Quốc vừa phải thực thi các quy định của WTO vừa phải kết hợp với thực tiễn của Trung Quốc, khéo léo tận dụng những điều khoản mang tính ngoại lệ của WTO để bảo vệ sự an toàn lợi ích quốc gia, bảo vệ sự phát triển lành mạnh, nhanh chóng của nền kinh tế quốc dân.

3.1.2. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài

Trung Quốc điều chỉnh chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng thoả đáng tỷ trọng trái phiếu nước ngoài, từng bước mở cửa thị trường chứng khoán theo các cam kết.

3.1.3. Sáp nhập xí nghiệp, đẩy mạnh cải cách hệ thống doanh nghiệp Nhà nước

Việc sáp nhập giúp các doanh nghiệp thực hiện được quá trình đào thải, mạnh được yếu thua trong cạnh tranh thị trường, đẩy mạnh sự phối hợp theo hướng tối ưu hoá các yếu tố trong sản xuất, đồng thời thúc đẩy sự ra đời và phát triển các tập đoàn doanh nghiệp với các doanh nghiệp lớn làm nòng cốt.

3.1.4. Giải quyết vấn đề dư thừa lao động nông thôn

Để giải quyết vấn đề này, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các chính sách dần dần tự do hoá thị trường lao động, đặc biệt tự do hoá việc di cư của lao động từ nông thôn sang thành thị để nâng cao cơ hội việc làm cho lao động ở nông thôn và các tỉnh nghèo miền Tây. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã nâng cao chất lượng lao động cho khu vực nông thôn, miền núi, các tỉnh nông nghiệp nghèo và coi đây là chính sách lâu dài. Đó là việc gia tăng đầu tư mạnh mẽ cho giáo dục nông thôn.

3.1.5. Chính sách tiền tệ

Tiếp tục xây dựng chính sách tiền tệ ổn định, lành mạnh, giữ ổn định đồng NDT, đồng thời không ngừng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện điều này, Ngân hàng nhân dân Trung Quốc vừa áp dụng các biện pháp ngăn chặn rủi ro tiền tệ, vừa khuyến khích tăng trưởng kinh tế, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho nhân viên, tăng thích đáng lượng cung ứng tiền tệ.

3.2. Quá trình gia nhập WTO của Việt Nam

3.2.1. Tính tất yếu và triển vọng gia nhập WTO của Việt Nam

Ngày 12/01/1995, Việt Nam đã gửi đơn gia nhập WTO và đến tháng 02/1996, WTO đã thành lập Nhóm công tác đặc trách về việc gia nhập của Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã tham gia đàm phán đa phương 10 phiên và đàm phán song phương với 27 đối tác là thành viên của WTO. Kết quả là Việt Nam đã kết thúc đàm phán song phương với một số đối tác như: EU, Thụy Sĩ, Na Uy, Ailen, Braxin, Achentina, Cu Ba, Paragoay, Urugoay, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan. Ngoài ra, còn một số nước đã có tuyên bố ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập WTO.

3.2.2. Thuận lợi và khó khăn khi Việt Nam gia nhập WTO

3.3.2.1. Thuận lợi

- Khắc phục được tình trạng phân biệt đối xử, tạo dựng thể và lực trong thương mại quốc tế.

- Việt Nam sẽ được hưởng những quy chế và nhân nhượng thương mại là kết quả của hơn 50 năm đàm phán của các thành viên WTO, giúp Việt Nam tăng cường xuất khẩu, mở rộng thị trường.

- Tác dụng tích cực trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguyên tắc minh bạch hoá và tính dự báo các quy định, chính sách thương mại. Nhờ hai nguyên tắc này, các nhà đầu tư sẽ yên tâm hơn khi tiến hành đầu tư.

- Tiếp thu khoa học công nghệ, kỹ năng quản lý, góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ và kinh doanh năng động và sáng tạo.

3.2.2.2. Khó khăn

- Gia nhập WTO, các chính sách kinh tế của Việt Nam sẽ phải thay đổi để phù hợp với qui định của WTO.

- Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với các nền kinh tế khác mạnh hơn nhiều.

- Cơ cấu kinh tế sẽ chuyển dịch mạnh, gây ra sự thay đổi về phân bố và sử dụng lao động, những ngành có lợi thế cạnh tranh sẽ phát triển trong khi những ngành khác sẽ bị thu hẹp.

Tóm lại, dưới tác động của tự do hoá thương mại khi gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục chuyển theo hướng công nghiệp hoá, tuy nhiên tốc độ dịch chuyển không quá nhanh so với thời điểm trước khi gia nhập WTO.

3.3. Gợi ý về chính sách đối với Việt Nam

3.3.1. Tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành

Tăng cường sự chỉ đạo cấp Nhà nước đối với các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế, xem đây là một nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm hội nhập đúng hướng và thành công.

3.3.2.Chủ động mở cửa thị trường trong nước để mở cửa thị trường nước ngoài

Một trong những nguyên tắc quan trọng của WTO là phải buôn bán công bằng, có nghĩa là ta mở cửa thị trường của mình bao nhiêu thì họ sẽ mở cửa thị trường của họ cho ta bấy nhiêu. Do vậy ta phải chủ động mở cửa thị trường của ta để có thể mở cửa thị trường của các quốc gia trong WTO.

3.3.3.Xây dựng nền kinh tế thị trường phát triển

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, coi đây là điều kiện cơ sở để thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển.

- Chú trọng xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ kinh tế đối ngoại, tạo lập và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường.

- Mở rộng phân công lao động, phân phối lại lao động và dân cư trong phạm vi cả nước cũng như từng địa phương, từng vùng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Đẩy nhanh cách mạng mạng khoa học công nghệ nhằm phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3.3.4.Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế, thương mại

Cần xây dựng hệ thống thuế quan hợp lý, phù hợp với quy định của WTO dựa trên một cơ cấu kinh tế thương mại và cơ cấu mặt hàng tương đối hoàn chỉnh. Đồng thời chúng ta cũng phải cắt giảm hoặc loại bỏ các hàng rào phi thuế để nâng cao khả năng thâm nhập thị trường cho các bạn hàng thương mại.

3.3.5. Tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên về các vấn đề hội nhập kinh tế

Nguồn lao động trẻ được giáo dục, đào tạo tốt, đức tính cần cù, trí thông minh..., đó là lợi thế so sánh rất quan trọng của nước ta. Do vậy, cần coi trọng, phát huy nhân tố con người để bảo đảm hội nhập thành công, ra sức đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ doanh nhân tài giỏi, đội ngũ khoa học công nghệ và lao động lành nghề, đội ngũ công chức tận tụy và thạo việc, trong đó nề nếp, kỷ cương, kỷ luật lao động phải luôn luôn được đề cao, tăng cường sức mạnh, đảm bảo hiệu quả và năng suất.

3.3.6. Thực hiện các chương trình đảm bảo xã hội

- Cần hỗ trợ các doanh nghiệp bị phá sản để họ có thể đổi mới kỹ thuật, chuyển hướng kinh doanh hoặc giải thể, sát nhập với các doanh nghiệp khác.

- Cần có chương trình trợ giúp người thất nghiệp, đào tạo lại nghề nghiệp cho họ, xây dựng các quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- Gia tăng chương trình xóa đói giảm nghèo, đặc biệt cho các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người.

KẾT LUẬN

Việc đánh giá một cách đầy đủ về cải cách kinh tế của một quốc gia sau khi gia nhập WTO là vấn đề khó khăn và phức tạp. Bởi vì WTO là một tổ chức quốc tế mang tính toàn cầu, chứa đựng nhiều mục tiêu và chức năng có tầm ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều quốc gia. Chính vì vậy khi Trung Quốc gia nhập WTO đã đánh dấu một sự kiện quan trọng không chỉ đối với người dân Trung Quốc mà còn đối với cả nền kinh tế thế giới.

Ngày 11/12/2001, Trung Quốc đã chính thức trở thành thành viên thứ 143 của WTO, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình cải cách và phát triển kinh tế đất nước. Về lâu dài, việc Trung Quốc gia nhập WTO sẽ có lợi nhiều hơn cho nước này. Tuy nhiên, để đạt được những lợi thế đó thì bản thân nền kinh tế Trung Quốc cũng phải có sự chuyển đổi lớn lao, từng bước hoàn thiện, phù hợp với các quy định của WTO nói riêng và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế nói chung.

Thực tế 3 năm qua cho thấy kinh tế Trung Quốc sau khi gia nhập WTO không những phát triển mạnh mà còn có thêm động lực cho phát triển. Sau khi gia nhập WTO, kinh tế Trung Quốc ở vào chu kỳ mới, phát triển với mức độ cao hơn. Đầu tư, tiêu dùng và thương mại là những động lực quan trọng và chủ yếu để thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế. Cơ cấu ngành nghề cũng có những biến đổi quan trọng. Một số ngành sử dụng nhiều lao động, sản xuất và lắp ráp cho xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, EU như dệt may, cơ khí... nhờ thị trường mở rộng hơn mà phát triển mạnh trở lại. Một số ngành như vận tải biển, đóng tàu... phát triển hơn nhờ sự gia tăng của ngoại thương. Các ngành công nghiệp đáp ứng những nhu cầu mới như ô tô, điện thoại di động, máy tính... hướng vào nhu cầu trong nước phát triển mạnh hơn. Bên cạnh đó,

ngành bất động sản ở vào thời kỳ bùng phát đang giúp các ngành liên quan như luyện kim, nguyên liệu, trang trí nhà cửa, công cụ điện, vận tải... phát triển mạnh hơn, đồng thời là kênh tạo việc làm quan trọng cho cư dân trong cả nước.

Với nhiều nỗ lực thúc đẩy mạnh mẽ những cải cách trong nước đồng thời tiếp tục thực hiện những cam kết cắt giảm thuế quan và mở cửa thị trường, trong những năm tới kinh tế Trung Quốc sẽ vẫn duy trì được nhịp độ phát triển cao, ổn định nhờ sự thay đổi theo hướng gia tăng của cả thương mại, đầu tư và tiêu dùng.

Trong quá trình phát triển đất nước, Việt Nam và Trung Quốc có khá nhiều nét tương đồng. Trung Quốc là một nước đang phát triển và là một nước xã hội chủ nghĩa có nền kinh tế thị trường đang chuyển đổi giống Việt Nam, tuy mức độ phát triển và hình thức xã hội chủ nghĩa có thể không hoàn toàn giống nhau. Kết cấu, thể chế kinh tế của Trung Quốc và Việt Nam có nhiều nét giống nhau. Bên cạnh đó, cả hai còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế: hệ thống tài chính – ngân hàng yếu kém, nền nông nghiệp lạc hậu, chưa phát triển đồng đều, doanh nghiệp Nhà nước hoạt động không hiệu quả nhưng lại chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế... Trung Quốc hiện đã là thành viên của WTO còn Việt Nam thì đang trong giai đoạn quan trọng của quá trình đàm phán gia nhập... Vì vậy, trong bối cảnh có nhiều nét tương đồng như trên, Việt Nam hoàn toàn có thể học hỏi các bài học kinh nghiệm của Trung Quốc, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp cho quá trình cải cách kinh tế của Việt Nam sau khi gia nhập WTO.

